

Bản án số: 23/2022/DS-PT
Ngày 05 tháng 5 năm 2022
V/v: “*Tranh chấp chia di sản
thừa kế*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Thành

Bà Lê Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét
xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2021/TLPT-DS ngày 06
tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2021
của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 64/2021/QĐ-PT ngày
06 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công A, sinh năm 1969;

Trú tại: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đồng bị đơn: Ông Nguyễn Công F, sinh năm 1949;

Ông Nguyễn Công E, sinh năm 1966;

Đều trú tại: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Quốc G, sinh năm 1956; trú tại: Thôn H, xã C, huyện D,
tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ông Nguyễn Công I, sinh năm 1962;

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1972;

Cùng trú tại: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959;

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967;

Cùng trú tại: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông G, ông I, bà K là ông Nguyễn Công A, sinh năm 1969; Trú tại: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Công F và ông Nguyễn Công E.

(Tại phiên tòa có mặt ông F và ông E, các đương sự khác đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Công A trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Nguyễn Công N và cụ Nguyễn Thị T sinh được 08 người con gồm: ông Nguyễn Công X (Liệt sỹ chống Mỹ năm 1974, không có vợ, con); ông Nguyễn Công F; ông Nguyễn Quốc G; bà Nguyễn Thị L; bà Nguyễn Thị K; ông Nguyễn Công I; ông Nguyễn Công E và ông. Cụ N và cụ T có tài sản chung là thửa đất diện tích 810m², tờ Bản đồ 15, số thửa 40 tại thôn B, xã C, huyện D (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ N). Các anh, chị, em của ông đều sinh ra và lớn lên trên thửa đất nêu trên, sau đó lập gia đình và được bố mẹ ông mua cho diện tích đất ở riêng. Riêng vợ chồng ông và sau này có thêm bà L thì ở với cụ N, cụ T và hiện tại đang là người thờ cúng liệt sỹ X.

Năm 2008, cụ T chết không để lại di chúc, tài sản nêu trên do cụ N quản lý sử dụng (thời gian này, vợ chồng ông vẫn sống cùng cụ N). Ngày 16/02/2009, cụ N có lập di chúc bằng văn bản, có chứng thực của UBND xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. Nội dung của di chúc thể hiện: cụ N chia cho bà Nguyễn Thị L 100m² đất (không nói rõ là đất ở hay đất vườn), còn lại chia cho ông toàn E diện tích đất còn lại trong tổng số 810m² tại tờ Bản đồ 15; số thửa 40 như đã trình bày ở trên. Nội dung bản di chúc còn xác định, khi bố ông già yếu ông phải có trách nhiệm chăm sóc phụng dưỡng, sau khi mất thì lo ma chay chôn cất. Bản di chúc do cụ N xác lập, các anh chị em trong nhà đều biết và không ai có ý kiến gì.

Từ năm 2003, bà L đã sử dụng 173,6m² trong tổng số 810m² đất nêu trên, bà đã xây dựng nhà cửa, trồng cây cối trên đất. Diện tích đất còn lại thì gia đình ông sống chung cùng với cụ N và cụ T đến khi các cụ qua đời thì gia đình ông quản lý, sử dụng.

Về tài sản trên đất: Những tài sản trên diện tích 173,6 m² mà bà L sử dụng là của bà L; những tài sản còn lại trên diện tích đất đều là do vợ chồng ông tạo dựng, không có ai đóng góp công sức, tài sản gì.

Đến năm 2016, cụ N qua đời và ông đã làm theo những lời cụ ghi trong di chúc, lo ma chay, chôn cất cụ chu đáo, đúng phong tục truyền thống. Từ đó

gia đình ông và gia đình bà L sinh sống ổn định trên diện tích đất này không có tranh chấp với anh chị em trong gia đình hay những gia đình giáp ranh. Ngày 22/8/2020, ông có mời các anh chị em trong gia đình đến họp và thống nhất để ông chuyển tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên cụ N sang tên ông thì có ông I, ông G và bà K đồng ý làm theo di chúc của bố ông, riêng bà L thể hiện quan điểm nếu thực hiện theo di chúc của cụ N thì tách phần đất cho bà để bà làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà, nhưng ông Nguyễn Công F, ông Nguyễn Công E không đồng ý.

Đối với số liệu diện tích đất ghi trên giấy chứng nhận là 798m², diện tích đất thực tế là 810m² ông A cho rằng đây là do sai số khi đo đạc vì gia đình ông đã sử dụng F thời kháng chiến chống Pháp đến nay, không thay đổi ranh giới, không tranh chấp với ai. Do vậy, ông đề nghị xác định diện tích đất là 810m² để chia thừa kế. Cụ thể:

- Đề nghị Tòa án tuyên bố Bản di chúc do cụ Nguyễn Công N lập ngày 16/02/2009 có hiệu lực pháp luật một nửa nội dung di chúc. Chia thừa kế theo di chúc 405m² đất (100m² đất ở, 305m² đất vườn) tại thửa 40, tờ bản đồ 15 tại thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất của cụ T là 405m² đất (100m² đất ở, 305m² đất vườn) tại thửa 40, tờ bản đồ 15 tại thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc cho các hàng thừa kế là: ông Nguyễn Công F; ông Nguyễn Quốc G; bà Nguyễn Thị L; bà Nguyễn Thị K; ông Nguyễn Công I; ông Nguyễn Công E và ông. Ông G, ông I, bà K đã cho ông phần thừa kế của họ nên ông đồng ý nhận.

- Đối với diện tích đất chia cho bà L, đồng ý chia cho bà L đủ 173,6m² đất mà bà đang quản lý (bao gồm cả phần diện tích theo di chúc của cụ N, riêng đất ở thì theo quy định của pháp luật). Đồng ý cắt 70,2m² đất vườn làm lối đi chung (trích từ di sản chung của cả cụ T, cụ N), tài sản trên đất vợ chồng ông tự tháo dỡ, di dời.

- Đối với phần diện tích đất chia cho ông F, ông E: đồng ý từ 50m² trở lên để đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ. Trên đất có tài sản, cây cối gì thì vợ chồng ông sẽ tháo dỡ toàn bộ, không yêu cầu thanh toán. Diện tích đất còn lại, chia cho ông theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Công F trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Nguyễn Công N và cụ Nguyễn Thị T. Bố mẹ ông sinh được 08 người con, tài sản chung để lại như ông A trình bày là đúng. Năm 2008 mẹ ông qua đời, không để lại di chúc. Đến năm 2016 bố ông qua đời cũng không để lại di chúc. Diện tích đất mà bố mẹ ông lúc còn sống ở hiện nay ông A và bà L đang quản lý sử dụng.

Nay ông A khởi kiện chia thừa kế tài sản theo di chúc, ông không đồng ý.

Bản thân ông không tranh chấp hay đòi hỏi gì. Nếu như bố ông có viết di chúc định đoạt tài sản cho ông A, bà L thì ông đồng ý cho ông A và bà L phần tài sản của bố ông, còn phần tài sản của mẹ ông thì ông xin sử dụng. Ngoài ra ông đề nghị ông A cùng anh em trong gia đình làm mộ cho bố ông xong, và phần thờ cúng liệt sĩ X giao cho con trưởng thờ cúng. Sau đó ông sẽ họp gia đình và thống nhất giao phần đất còn lại của bố mẹ ông cho ông A sử dụng.

Phần đất của bà L phải giữ nguyên hiện trạng như hiện nay, chia cho bà L 176,3m² đất và tách ra làm giấy CNQSD đất riêng.

Bị đơn ông Nguyễn Công E trình bày: Đồng ý với lời trình bày của ông F.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc G trình bày:

Ông xác định lời trình bày của ông A về di sản, di chúc, tài sản trên đất, quá trình quản lý sử dụng đất là đúng và không bổ sung gì thêm.

Nay ông A làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc chia thừa kế theo di chúc và pháp luật diện tích đất 810m² tại thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A. Phần di sản thừa kế mà ông được hưởng, ông tặng cho ông A sử dụng và ông A không phải thanh toán cho ông bất cứ khoản tiền nào.

Ông Nguyễn Công I, bà Nguyễn Thị K trình bày:

Ông I, bà K xác nhận lời trình bày của ông A là đúng, không bổ sung gì thêm. Ông I, bà K cũng đồng ý với quan điểm giải quyết vụ án của ông A. Nếu di sản được chia thừa kế theo pháp luật, thì phần của ông bà xin tự nguyện chuyển giao cho ông A quản lý, sử dụng mà không phải thanh toán bất kỳ khoản tiền gì cho ông, bà.

Bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Nguyễn Công N và cụ Nguyễn Thị T. Bố mẹ ông sinh được 08 người con như ông A trình bày là đúng.

Năm 2002, bà về ở cùng với bố mẹ, trong năm đó bố mẹ bà có cho bà gần 8 thước đất (không nói rõ có đất có đất ở hay không) để làm nhà và nói rõ khi nào ông A có bìa đồ thì bà được làm bìa đồ miếng đất bà đang ở. Khi cho đất bố mẹ bà có chỉ mốc giới. Năm 2003 bà làm 02 gian nhà tạm và xây tường rào bao quanh mảnh đất ngăn cách với phần diện tích đất mà bố mẹ bà đang ở.

Tháng 01/2008 mẹ bà qua đời, không để lại di chúc. Đến năm 2016 bố bà qua đời theo bà được biết thì cũng không để lại di chúc. Từ đó gia đình ông A và bà cùng quản lý tài sản và sinh sống ổn định trên diện tích đất đó. Ngày 22/8/2020 ông A có mời các anh, chị, em bà đến họp tại nhà ông A và thống nhất để ông A làm thủ tục chuyển tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên Bố bà sang tên ông A nhưng ông Nguyễn Công F, ông Nguyễn Công E không đồng ý. Còn bà có ý kiến nếu sang tên giấy CNQSD đất cho ông A thì phần diện tích đất bố mẹ bà cho bà cũng được tách riêng ra để bà làm thủ tục

cấp giấy CNQSD đất.

Nay ông A làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc chia thừa kế diện tích đất do bố mẹ bà để lại, bà đồng ý. Phần đất mà bố mẹ bà đã cho từ năm 2003, đo đạc thực tế được 173,6m², bà xin hưởng. Ngoài ra bà không có quan điểm nào khác về phần tài sản còn lại của bố mẹ bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M trình bày:

Xác nhận lời trình bày của ông A là đúng, đồng ý với quan điểm giải quyết vụ án của ông A.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Căn cứ vào: Điều 624; 630; 643; Điều 613; Điều 649; Điều 651; Điều 659; Điều 660 Bộ luật dân sự 2015. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết: 326/NQ - UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công A về việc chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Công N (lập ngày 16/02/2009), chia theo nội dung di chúc của cụ N đối với 405m² đất tại thửa đất số 40 tờ bản đồ 15 thuộc thôn B, xã C huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc cho ông Nguyễn Công A và bà Nguyễn Thị L.

Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Nguyễn Thị T để lại là 405m² đất tại thửa đất số 40, tờ bản đồ 15 thuộc thôn B, xã C huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc cho ông Nguyễn Công A và bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Công F, ông Nguyễn Công E, ông Nguyễn Quốc G, ông Nguyễn Công I, bà Nguyễn Thị K (phần thừa kế của ông G, ông I, bà K được chuyển giao cho ông Nguyễn Công A).

2. Cụ thể phân chia di sản như sau:

Chia cho bà Nguyễn Thị L được quản lý, sử dụng, sở hữu 173,6m² đất (39m² đất ở và 134,6m² đất vườn) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Ký hiệu 11,12,13,14,15,16,17,25,24,11 (có sơ đồ đất kèm theo).

Chia cho ông Nguyễn Công A được quản lý, sử dụng, sở hữu 466,2m² đất (133m² đất ở và 333,2m² đất vườn) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Ký hiệu 1,2,3,4,5,6,22,21,18,19,1 (có sơ đồ đất kèm theo).

Chia cho ông Nguyễn Công F được quản lý, sử dụng, sở hữu 50m² đất (14m² đất ở và 36m² đất vườn). Ký hiệu 23,9,10,24 (có sơ đồ đất kèm theo). Buộc ông A, bà M phải tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình xây dựng, cây cối, tài sản trên đất để giao đất cho ông F.

Chia cho ông Nguyễn Công E được quản lý, sử dụng, sở hữu 50m² đất (14m² đất ở và 36m² đất vườn). Ký hiệu 7,8,9,23 (có sơ đồ đất kèm theo). Buộc ông A, bà M phải tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình xây dựng, cây cối, tài sản trên đất để giao đất cho ông E.

Xác định 70,2m² đất (đất vườn), kí hiệu 17,18,21,22,6,7,23,24,25,17 (có sơ đồ đất kèm theo) là lối đi chung của các bên đương sự. Buộc ông A, bà M phải tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình xây dựng, cây cối, tài sản trên đất để các đương sự làm lối đi chung.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/7/2021 và ngày 16/7/2021, bị đơn ông Nguyễn Công F và ông Nguyễn Công E có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án chia thừa kế tài sản của bố mẹ ông theo pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, cung cấp cho Tòa án bản sao đơn xin chuyển nhượng đất ở và bản sao di chúc của cụ N với nội dung cho bà L đất và đề nghị Tòa án tiến hành giám định chữ ký, chữ viết của cụ N trên bản di chúc do hai ông giao nộp và bản di chúc do ông A giao nộp có phải là cùng một người viết không. Tòa án đề nghị ông F và ông E cung cấp cho Tòa án bản chính của các văn bản nêu trên nhưng ông F và ông E không cung cấp được.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: không chấp nhận kháng cáo của ông F, ông E, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 08/2021/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Kháng cáo của ông Nguyễn Công F và ông Nguyễn Công E được làm trong hạn luật định, được chấp nhận xem xét.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Ông F và ông E kháng cáo với nội dung không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm chia thừa kế di sản của cụ N theo di chúc. Ông F và ông E đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chia thừa kế di sản của cụ N theo pháp luật.

Sau khi xem xét nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hàng thừa kế: Cụ Nguyễn Công N và cụ Nguyễn Thị T sinh được 08 người con gồm: Ông Nguyễn Công A; ông Nguyễn Công X (Liệt sỹ chống Mỹ năm 1974, không có vợ, con); ông Nguyễn Công F; ông Nguyễn Quốc G; bà

Nguyễn Thị L; bà Nguyễn Thị K; ông Nguyễn Công I và ông Nguyễn Công E nên di sản của các cụ để lại theo pháp luật sẽ chia cho 07 người con (nếu không có di chúc và thỏa thuận gì khác).

[3.2] Về di sản thừa kế: Cụ Nguyễn Công N và cụ Nguyễn Thị T có thừa đất số 40 tờ bản đồ 15 tại thôn B, xã C, năm 1999 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00193 QSDĐ/371, QĐ.UBH mang tên hộ ông Nguyễn Công N ghi diện tích là 798m², nhưng qua đo đạc thực tế diện tích hiện nay là 810m². Chính quyền địa phương, các hộ giáp ranh đều xác định không có tranh chấp, việc sai số liệu là do sai số khi đo đạc. Do vậy, các đương sự đề nghị xác định diện tích đất 810m², trong đó có 200m² đất ở và 610m² đất vườn là di sản do cụ N, cụ T để lại. Về công trình xây dựng trên đất các đương sự thống nhất do ông A và bà L xây dựng. Các cụ chết không để lại nghĩa vụ gì và ông A, bà L không đề nghị công sức duy trì tài sản sau khi các cụ chết.

[3.3] Năm 2008, cụ T chết không để lại di chúc. Năm 2016, cụ N chết nhưng trước khi chết cụ N có lập di chúc ngày 16/02/2009 bằng văn bản, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã C; di chúc được lập là tự nguyện, trong lúc minh mẫn. Nội dung của di chúc thể hiện: Cụ N chia cho bà Nguyễn Thị L 100m² đất (không nói rõ là đất ở hay đất vườn), còn lại chia cho ông A toàn bộ diện tích đất còn lại trong tổng số 810m² tại tờ bản đồ 15; số thửa 40. Nội dung bản di chúc còn xác định, khi cụ N già yếu ông A phải có trách nhiệm chăm sóc phụng dưỡng, sau khi mất thì lo ma chay, chôn cất.

[3.4] Xét nội dung di chúc của cụ N, về hình thức bằng văn bản có xác nhận của chính quyền địa phương. Về nội dung di chúc, cụ N đã quyết định đối với toàn bộ thừa đất số 40 tờ bản đồ 15 là chưa phù hợp, vì đây là tài sản chung của cụ N và cụ Nguyễn Thị T. Do vậy, di chúc của cụ N chỉ có hiệu lực pháp luật ½ đối với diện tích đất là 405m² (trong đó có 100m² đất ở và 305m² đất vườn). Do đó, cấp sơ thẩm đã xem xét chia ½ di sản theo di chúc và ½ di sản theo pháp luật là có căn cứ.

[3.5] Về cách phân chia: Quá trình giải quyết các bên đương sự đều thống nhất: Hiện nay bà L đang sử dụng 173,6m² đất có chiều dài mặt đường 10,30m, đã xây dựng nhà ở, công trình xây dựng gần kín diện tích đất nên sẽ chia cho bà L đủ 173,6m² đất bao gồm cả phần đất của cụ T và cụ N để lại (trong đó 39m² đất ở và 134,6m² đất vườn). Việc các đương sự thỏa thuận là tự nguyện, phù hợp với pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho bà L nên cấp sơ thẩm phân chia như vậy là hợp lý, cần ghi nhận sự tự nguyện này của các đương sự.

Phần còn lại của thửa đất có diện tích 636,4m², cấp sơ thẩm đã phân chia một nửa theo nội dung di chúc của cụ N; một nửa còn lại của cụ T phân chia theo quy định của pháp luật là phù hợp. Do hình thể của thửa đất, tài sản đã xây

dựng trên đất, khi chia thừa kế bằng diện tích đất cho các đương sự, cần phải cắt ra 70,2m² đất vườn làm lối đi chung cho các đương sự.

Trong vụ án này, do các ông I, ông G, bà K tặng cho ông A phần di sản được chia nên phần di sản của ông A được hưởng sẽ 188,73m² (trong đó có 56m² đất ở); các ông F, ông E mỗi ông sẽ được hưởng 47,2m² (trong đó có 14m² đất ở); do ông A tự nguyện chia đủ cho ông F, ông E mỗi ông 50m² đất nên cấp sơ thẩm quyết định chia cho mỗi ông 50m² đất là hợp lý.

- Đối với diện tích đất 283,1m² (trong đó có 75m² đất ở) là di sản cụ N sẽ chia cho ông A theo ý chí của cụ để lại trong nội dung di chúc.

[3.6] Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông F và ông E cho rằng các ông không biết tới bản di chúc của cụ N lập ngày 16/02/2009 và các ông cho rằng bản di chúc này không phải là do cụ N viết. Ông F và ông E cung cấp cho Tòa án bản phô tô đơn đề nghị cắt đất thổ cư cho bà L lập ngày 16/10/2003 và L phô tô di chúc của cụ N với nội dung cho bà L đất lập ngày 01/8/2003 và đề nghị Tòa án tiến hành giám định chữ ký, chữ viết của cụ N trên 02 tài liệu (ngày 16/10/2003 và ngày 01/8/2003) do hai ông giao nộp và bản di chúc (ngày 16/02/2009) do ông A giao nộp có phải là cùng một người viết không. Tòa án yêu cầu ông F và ông E cung cấp cho Tòa án bản chính của các văn bản nêu trên nhưng ông F và ông E không cung cấp được. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông E và ông F vẫn đề nghị chia thừa kế toàn bộ thửa đất theo pháp luật và đề nghị được nhận bằng đất, không nhận bằng tiền. Tòa án đã thực hiện việc giám định theo yêu cầu của ông F và ông E theo quy định, (Tòa án gửi 02 tài liệu phô tô ngày 16/10/2003 và ngày 01/8/2003 do ông F và ông E giao nộp và bản di chúc gốc ngày 16/02/2009 do ông A giao nộp). Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã có văn bản từ chối giám định đối với các tài liệu nêu trên. Tòa án đã tiến hành làm việc với ông F và ông E và tại phiên tòa hai ông vẫn khẳng định chỉ có các tài liệu đã cung cấp cho Tòa án, ngoài ra không cung cấp thêm tài liệu nào khác. Từ đó, không có cơ sở để xác định di chúc cụ N lập ngày 16/02/2009 do ông A giao nộp là giả mạo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Công F và ông Nguyễn Công E.

Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, tuy nhiên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại cách tuyên án của bản án sơ thẩm cho rõ ràng.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Công F không phải chịu. Ông Nguyễn Công E phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào: Điều 624; 630; 643; Điều 613; Điều 649; Điều 651; Điều 659; Điều 660 Bộ luật dân sự 2015. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết: 326/NQ - UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí.

1. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc chia cho bà Nguyễn Thị L được quản lý, sử dụng, sở hữu 173,6m² đất (trong đó có 39m² đất ở và 134,6m² đất vườn) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 40 tờ bản đồ 15 thuộc thôn B, xã C huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc mang tên hộ ông Nguyễn Công N. Sơ đồ thửa đất ký hiệu 11,12,13,14,15,16,17,25,24,11 (có sơ đồ đất kèm theo).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công A về việc chia ½ di sản thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Công N (lập ngày 16/02/2009) và ½ di sản thừa kế theo chia pháp luật đối với diện tích còn lại 636,4m² của thửa đất số 40 tờ bản đồ 15 thuộc thôn B, xã C huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Công N.

Cụ thể phân chia di sản như sau.

- Chia cho ông Nguyễn Công A được quản lý, sử dụng, sở hữu 466,2m² đất (133m² đất ở và 333,2m² đất vườn) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Sơ đồ thửa đất ký hiệu 1,2,3,4,5,6,22,21,18,19,1 (có sơ đồ đất kèm theo).

- Chia cho ông Nguyễn Công F được quản lý, sử dụng, sở hữu 50m² đất (14m² đất ở và 36m² đất vườn). Sơ đồ thửa đất ký hiệu 23,9,10,24 (có sơ đồ đất kèm theo).

- Chia cho ông Nguyễn Công E được quản lý, sử dụng, sở hữu 50m² đất (14m² đất ở và 36m² đất vườn). Sơ đồ thửa đất ký hiệu 7,8,9,23 (có sơ đồ đất kèm theo).

- Xác định 70,2m² đất (đất vườn), kí hiệu 17,18,21,22,6,7,23,24,25,17 (có sơ đồ đất kèm theo) làm lối đi chung của các bên đương sự.

- Buộc ông Nguyễn Công A, bà Nguyễn Thị M phải tháo dỡ, di dời toàn E công trình xây dựng, cây cối, tài sản trên đất chia cho ông E, ông F và lối đi chung để các đương sự được sử dụng phần đất được chia và sử dụng được phần lối đi chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn nộp tiền án phí sơ thẩm cho ông Nguyễn Công F.

Miễn nộp tiền án phí sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị L.

Ông Nguyễn Công E phải chịu án phí sơ thẩm là 1.760.000đồng.

Ông Nguyễn Công A phải chịu án phí sơ thẩm là 16.478.000đồng. Được trừ vào số tiền 5.000.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009080 ngày 07/10/2020 của chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. Buộc ông Nguyễn Công A phải tiếp tục nộp 11.478.000đồng án phí sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Công F là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Ông Nguyễn Công E phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0009295 ngày 26/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. Ông E đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện D;
- VKSND huyện D ;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh